TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 8 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Thanh Tuấn;
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Long;
2. Ông Lê Hữu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diệu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Hân – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, về việc *Ly hôn tranh chấp về nuôi con*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đắc Châu 1, xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa. (Nay là Thôn Đắc Châu 1, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa.)

Bị đơn: Anh Lê Hữu S, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đắc Châu 1, xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa. (Nay là Thôn Đắc Châu 1, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa.)

Tại phiên tòa vắng mặt Chị T, Anh S. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 10 tháng 02 năm 2025, bản tự khai ngày 11 tháng 02 năm 2025, cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phùng Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Hữu S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Nay là phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 30/03/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cũng có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, cho đến tháng 9/2024 Chị T phát hiện Anh S có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra, Anh S không quan tâm đến vợ con lại còn ham chơi cờ bạc. Mâu thuẫn trầm trọng nên thường xuyên xảy va chạm cải cọ nhau, Chị T đã làm đơn ly hôn, nhưng Anh S xin đoàn tụ nên chị đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng không cải thiện được, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay Chị T xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với Anh S, nên Chị T đề nghị giải quyết ly hôn với Anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Hữu Hải Đ sinh ngày 31/8/2014, cháu Lê Nhã T sinh ngày 24/01/2017 và cháu Lê Nhã U sinh ngày 02/01/2020. Ly hôn Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, chị yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu, ba cháu là 6.000.000đ/1 tháng.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 4 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án anh Lê Hữu S trình bày:

Anh và chị Phùng Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Châu (nay là phường Đông Tiến), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến nay. Lý do Chị T làm đơn ly hôn là vợ chồng không hiểu nhau, Chị T không tin tưởng anh nghi ngờ anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Thực tế anh và những người bạn chỉ là quan hệ bạn bè quen biết nhau nói chuyện trêu đùa nhau. Thực tế Anh S vẫn còn tình cảm vợ chồng với Chị T nên Anh S không đồng ý ly hôn. Anh S đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng 03 con chung cháu Lê Hữu Hải Đ sinh ngày 31/8/2014, cháu Lê Nhã T sinh ngày 24/01/2017 và cháu Lê Nhã U sinh ngày 02/01/2020. Hiện tại cháu Lê Hữu Hải Đ đang ở với Anh S, còn cháu Lê Nhã T và cháu Lê Nhã U đang ở với Chị T. Vợ chồng ly hôn Anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, Anh S không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vắng mặt Chị T, vắng mặt Anh S. Chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Lê Hữu S, về con chung Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con

chung là cháu Lê Hữu Hải Đ sinh ngày 31/8/2014, cháu Lê Nhã T sinh ngày 24/01/2017 và cháu Lê Nhã U sinh ngày 02/01/2020, Chị T yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu, ba cháu là 6.000.000đ/1 tháng. Về tài sản Chị T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị HĐXX xử: Về hôn nhân: Cho chị Phùng Thị T ly hôn anh Lê Hữu S.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu cháu Lê Nhã T sinh ngày 24/01/2017 và cháu Lê Nhã U sinh ngày 02/01/2020 cho chị Phùng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Hữu Hải Đ sinh ngày 31/8/2014 cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhã U cùng Chị T mỗi tháng 2.000.000đ.

Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đợc thẩm tra tại phiên toà. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Chị Phùng Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu S, Anh S có hộ khẩu và nơi cứ trú tại Thôn Đắc Châu 1, xã Tân Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay là Thôn Đắc Châu 1, phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa). Tuy nhiên vụ án được Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (cũ) thụ lý từ 11/02/2025 nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

Anh Lê Hữu S và chị Phùng Thị T đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điển b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Chị T, Anh S.

[2].Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Lê Hữu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Phường Đông Tiến, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 30/03/2012 và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và bất đồng quan điểm sống, Anh S có những mối quan hệ bạn bè nam nữ, dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau, nên vợ chồng thường xuyên sảy ra va chạm, cải cọ nhau. Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã Tân Châu (nay là phường Đông Tiến) cho biết anh Lê Hữu S và chị Phùng Thị T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Châu (sau đó là Tân Châu, nay là phường Đông Tiến) theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình Anh S, Chị T chung sống chính quyền địa phương không thấy anh chị gây gỗ đánh nhau. Địa phương chỉ nắm được vợ chồng Anh S, Chị T có một chút mâu thuẫn trong quan hệ tình cảm, địa phương cũng đã đến nhà động viên, hòa giải, nhưng Chị T không nghe. Quá trình giải quyết vụ án Anh S có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên Anh S không tìm được biện pháp hữu hiệu để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn Anh S. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh S và Chị T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho Chị T được ly hôn Anh S là phù hợp.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án Chị T và Anh S đều thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Hữu Hải Đ sinh ngày 31/8/2014, cháu Lê Nhã T sinh ngày 24/01/2017 và cháu Lê Nhã U sinh ngày 02/01/2020. Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, Chị T đều đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung, Chị T yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu, ba cháu là 6.000.000đ/1 tháng. Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án Anh S cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung. Anh S không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con của hai bên là chính đáng; Tuy nhiên theo trình bày của các bên, lâu nay cháu Lê Hữu Hải Đ ở với Anh S, cháu Lê Nhã T và cháu Lê Nhã U ở với Chị T. Chị T làm kế toán trường học và làm kế toán bán chuyên trách cho Công ty TNHH Hiếu Minh Long. Anh S kinh doanh vật liệu xây dựng tại địa phương thu nhập cũng ổn định. Xét về nguyện vọng của các con thì ngày 26/3/2025 tại Tòa án cháu Lê Nhã T trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên ngày 08/5/2025 Anh S lại nộp một bản trình bày nguyện vọng của cháu Lê Nhã T mong muốn được ở với cả bố và mẹ. Đối với cháu Lê Hữu Hải Đ, cháu trình bày không lựa chọn ở với ai, cháu mong muốn được ở với cả bố và mẹ. Như vậy xét Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê

Nhã T và cháu Lê Nhã U đều là con gái và còn nhỏ, lâu nay các cháu đang ở với Chị T ổn định. Vì vậy giao cháu Lê Nhã T và cháu Lê Nhã U cho Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; Cháu Lê Hữu Hải Đ là con trai lâu nay ở với Anh S, nên giao cháu Lê Hữu Hải Đ cho Anh S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ, song cũng cần xem xét đến mức thu nhập của bên không trực tiếp nuôi dưỡng để đưa ra mức cấp dưỡng phù hợp đảm bảo quyền lợi của các bên. Chị T yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu. Anh S đã có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Hải Đ, vì vậy Anh S cần có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị T đối với cháu Lê Nhã U mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp.

***[3].*Về án phí:** Chị Phùng Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Hữu S là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; điều 227; khoản 1 điều 228; điều 271; điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1, Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phùng Thị T ly hôn anh Lê Hữu S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu cháu Lê Nhã T sinh ngày 24/01/2017 và cháu Lê Nhã U sinh ngày 02/01/2020 cho chị Phùng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Hữu Hải Đ sinh ngày 31/8/2014 cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nhã U cùng Chị T mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi cháu Lê Nhã U đủ 18 tuổi.

Anh S, Chị T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* Chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005171 ngày 11/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa (Chị T đã nộp đủ án phí).

Anh Lê Hữu S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, Anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Tiến;
- THADS tỉnh Thanh Hóa,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thanh Tuấn